

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP

Chủ nghĩa xã hội khoa học

Dành cho sinh viên đại học các ngành không chuyên lý luận chính trị

Scientific Socialism — a bilingual study guide

Giai cấp công nhân · Thời kỳ quá độ · Dân chủ và nhà nước · Liên minh · Dân tộc, tôn giáo ·
Gia đình

Bài tập vận dụng có lời giải · Tự luận có dàn ý · Trắc nghiệm có đáp án

Song ngữ Việt – Anh · Vietnamese – English

Phiên bản 1.0 — Tháng 10 năm 2026

<https://globalmarket.vin>

M U C L U C

CONTENTS

Chương 1. Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học — Chapter 1. Introduction to scientific socialism.....	5
1.1. Chủ nghĩa xã hội khoa học là gì: nghĩa rộng và nghĩa hẹp — <i>What scientific socialism is: the broad and the narrow sense</i>	5
1.2. Hoàn cảnh lịch sử ra đời: điều kiện kinh tế – xã hội — <i>Historical setting of its birth: socio-economic conditions</i>	7
1.3. Tiền đề khoa học tự nhiên và tiền đề tư tưởng lý luận — <i>The natural-science and theoretical premises</i>	9
1.4. Vai trò của C. Mác và Ph. Ăngghen: ba phát kiến vĩ đại — <i>The role of Marx and Engels: the three great discoveries</i>	13
1.5. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (1848) đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học — <i>The Communist Manifesto (1848) marks the birth of scientific socialism</i>	15
1.6. Các giai đoạn phát triển: C. Mác và Ph. Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học — <i>Stages of development: Marx and Engels develop scientific socialism</i>	17
1.7. Lênin vận dụng, phát triển và sự phát triển từ năm 1924 đến nay — <i>Lenin's application and development, and developments since 1924</i>	18
1.8. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học — <i>The object of study of scientific socialism</i>	23
1.9. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập chủ nghĩa xã hội khoa học — <i>Research methods and why scientific socialism is studied</i>	25
1.10. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	28
1.11. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	30
1.12. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	33
Chương 2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân — Chapter 2. The historical mission of the working class	36
2.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân — <i>The concept and features of the working class</i>	36
2.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân — <i>The content of the historical mission of the working class</i>	39
2.3. Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan thực hiện sứ mệnh lịch sử — <i>Objective conditions and subjective factors of the historical mission</i>	42
2.4. Giai cấp công nhân hiện nay: điểm ổn định và những biến đổi — <i>The working class today: what stays and what changes</i>	46
2.5. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay — <i>Carrying out the working class's mission in today's world</i>	49
2.6. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam — <i>Features of Vietnam's working class</i>	50
2.7. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay — <i>The historical mission of Vietnam's working class today</i>	52

2.8. Phương hướng và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay —	
<i>Directions and solutions for building Vietnam's working class today</i>	55
2.9. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	57
2.10. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	60
2.11. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	63

Chương 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội — Chapter 3.

<i>Socialism and the transition to socialism</i>	66
3.1. Bốn nghĩa của khái niệm chủ nghĩa xã hội — <i>The four senses of the term socialism</i>	66
3.2. Chủ nghĩa xã hội — giai đoạn đầu của hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa —	
<i>Socialism — the first phase of the communist socio-economic formation</i>	67
3.3. Điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội — <i>Conditions for the emergence of socialism</i>	70
3.4. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội — <i>The essential features of socialism</i>	73
3.5. Tính tất yếu của thời kỳ quá độ và hai loại quá độ — <i>The necessity of the transition period and its two types</i>	77
3.6. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội — <i>Characteristics of the transition period to socialism</i>	80
3.7. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam — <i>Vietnam's transition to socialism bypassing capitalism</i>	84
3.8. Những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam xây dựng —	
<i>Features of the socialist society the Vietnamese people are building</i>	86
3.9. Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và những mối quan hệ lớn —	
<i>Directions for building socialism in Vietnam and the major relations</i>	90
3.10. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	94
3.11. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	97
3.12. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	101

Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa — Chapter 4.

<i>Socialist democracy and the socialist state</i>	104
4.1. Dân chủ là gì? Sự ra đời và phát triển của dân chủ — <i>What is democracy? The emergence and development of democracy</i>	104
4.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa — <i>Socialist democracy</i>	109
4.3. Nhà nước xã hội chủ nghĩa: sự ra đời, bản chất, chức năng — <i>The socialist state: emergence, nature, functions</i>	113
4.4. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa — <i>The relation between socialist democracy and the socialist state</i>	117
4.5. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam — <i>Socialist democracy in Vietnam</i>	118
4.6. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam — <i>Vietnam's socialist rule-of-law state</i>	122
4.7. Phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay — <i>Promoting democracy and building the socialist rule-of-law state in Vietnam today</i>	127
4.8. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	129
4.9. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	132

4.10. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	136
Chương 5. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội — Chapter 5. Social-class structure and the alliance of classes and strata in the transition to socialism.....	140
5.1. Cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội – giai cấp — <i>Social structure and social-class structure</i>	140
5.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ — <i>Law-governed changes in the social-class structure during the transition</i>	143
5.3. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ: khái niệm và tính tất yếu — <i>The alliance of classes and strata in the transition: concept and necessity</i>	147
5.4. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ ở Việt Nam — <i>The social-class structure in Vietnam's transition</i>	150
5.5. Nội dung liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam — <i>The content of the class alliance in Vietnam</i>	154
5.6. Phương hướng xây dựng cơ cấu xã hội – giai cấp và tăng cường liên minh ở Việt Nam — <i>Directions for building the social-class structure and strengthening the alliance in Vietnam</i>	158
5.7. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	161
5.8. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	164
5.9. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	167
Chương 6. Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội — Chapter 6. Ethnic and religious questions in the transition to socialism	170
6.1. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của dân tộc — <i>The concept and basic features of a nation</i>	170
6.2. Hai xu hướng khách quan và Cương lĩnh dân tộc của V.I. Lênin — <i>Lenin's two objective tendencies and national programme</i>	173
6.3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam — <i>Ethnic groups and ethnic relations in Vietnam</i>	177
6.4. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo — <i>The nature, origins and character of religion</i>	182
6.5. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội — <i>Principles for handling religion in the transition to socialism</i>	185
6.6. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước — <i>Religion in Vietnam and the religious policy of the Party and State</i>	189
6.7. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam — <i>Ethnic-religious relations in Vietnam</i>	192
6.8. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	195
6.9. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	198
6.10. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	201
Chương 7. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội — Chapter 7. The family in the transition to socialism	204
7.1. Khái niệm gia đình — <i>The concept of the family</i>	204
7.2. Vị trí của gia đình trong xã hội — <i>The place of the family in society</i>	206
7.3. Chức năng cơ bản của gia đình — <i>The basic functions of the family</i>	208

7.4. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội — <i>Bases for building the family in the transition to socialism</i>	211
7.5. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ — <i>Changes in the Vietnamese family in the transition period</i>	217
7.6. Phương hướng xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam — <i>Directions for building and developing the Vietnamese family</i>	221
7.7. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	223
7.8. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	225
7.9. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	228
Phụ lục A. Đáp án câu hỏi trắc nghiệm — <i>Appendix A. Answer key</i>.....	231
Phụ lục B. Thuật ngữ Việt – Anh — <i>Appendix B. Vietnamese–English glossary</i>	237
Phụ lục C. Tác phẩm kinh điển cần nhớ — <i>Appendix C. Classic works to remember</i>	240
Tài liệu tham khảo — <i>References</i>	242

Chương 1. Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học — Chapter 1.

Introduction to scientific socialism

1.1. Chủ nghĩa xã hội khoa học là gì: nghĩa rộng và nghĩa hẹp — What scientific socialism is: the broad and the narrow sense

Thuật ngữ “chủ nghĩa xã hội” được dùng cho nhiều thứ: một phong trào đấu tranh, một chế độ xã hội, một hệ tư tưởng. Chủ nghĩa xã hội khoa học là học thuyết do C. Mác và Ph. Ăngghen sáng lập, V.I. Lênin phát triển, luận chứng con đường đi từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội dựa trên quy luật khách quan.

The word “socialism” covers several things: a movement of struggle, a social system, an ideology. Scientific socialism is the theory founded by Marx and Engels and developed by Lenin, which argues for the path from capitalism to socialism on the basis of objective laws.

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Nghĩa rộng <i>Broad sense</i>	Nghĩa hẹp <i>Narrow sense</i>
Phạm vi <i>Scope</i>	Đồng nghĩa với cả chủ nghĩa Mác – Lênin <i>Equivalent to Marxism-Leninism as a whole</i>	Một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin <i>One of the three components of Marxism-Leninism</i>
Góc tiếp cận <i>Angle</i>	Luận giải bằng cả triết học, kinh tế chính trị và chính trị – xã hội <i>Argued through philosophy, political economy and socio-political theory together</i>	Tập trung vào phương diện chính trị – xã hội <i>Focused on the socio-political side</i>
Câu hỏi trả lời <i>Question answered</i>	Vì sao và bằng cách nào xã hội loài người tất yếu chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản <i>Why and how human society must pass from capitalism to communism</i>	Ai thực hiện bước chuyển, theo con đường, hình thức, phương pháp nào <i>Who carries out the change, by what path, form and method</i>
Dấu hiệu nhận biết trong kinh điển <i>Textual marker</i>	Lênin đánh giá bộ Tư bản là tác phẩm chủ yếu trình bày chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Lenin called Capital the main work expounding scientific socialism</i>	Chống Duyrinh của Ăngghen chia ba phần: triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội <i>Engels’s Anti-Dühring has three parts: philosophy, political economy, socialism</i>
Dùng trong môn học này <i>Used in this course</i>	Không <i>No</i>	Có <i>Yes</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Nghĩa hẹp (dùng trong môn học): chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin, bên cạnh triết học Mác – Lênin và kinh tế chính trị Mác – Lênin. **Nghĩa rộng**: chủ nghĩa Mác – Lênin nói chung.
Narrow sense (used in this course): scientific socialism is one of the three components of Marxism-

*Leninism, alongside Marxist-Leninist philosophy and political economy. **Broad sense:** Marxism-Leninism as a whole.*

Ba bộ phận, ba nguồn gốc — Three components, three sources

Bộ phận hợp thành <i>Component</i>	Nguồn gốc lý luận trực tiếp <i>Direct theoretical source</i>	Câu hỏi cốt lõi <i>Core question</i>
Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist philosophy</i>	Triết học cổ điển Đức <i>Classical German philosophy</i>	Thế giới vận động theo quy luật nào; xã hội thay đổi vì đâu <i>By what laws does the world move; why does society change</i>
Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist political economy</i>	Kinh tế chính trị cổ điển Anh <i>Classical British political economy</i>	Chủ nghĩa tư bản vận hành, bóc lột và tự mâu thuẫn ra sao <i>How capitalism works, exploits and contradicts itself</i>
Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific socialism</i>	Chủ nghĩa xã hội không tưởng – phê phán Pháp <i>French critical-utopian socialism</i>	Lực lượng nào, con đường nào đưa xã hội lên chủ nghĩa xã hội <i>Which force and which path lead society to socialism</i>

Lênin gọi chủ nghĩa Mác là người thừa kế chính đáng của “triết học Đức, kinh tế chính trị học Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp” (V.I. Lênin: Toàn tập, t.23, tr.50).

Lenin called Marxism the rightful heir of “German philosophy, English political economy and French socialism” (Lenin, Collected Works, Vietnamese ed., vol. 23, p. 50).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Đồng nhất chủ nghĩa xã hội khoa học với “chủ nghĩa xã hội” nói chung. Trong lịch sử có nhiều dòng chủ nghĩa xã hội: không tưởng, phong kiến, tiểu tư sản, dân chủ xã hội... Chỉ học thuyết dựa trên chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư mới gọi là khoa học.

Equating scientific socialism with “socialism” in general. History knows many socialisms: utopian, feudal, petty-bourgeois, social-democratic... Only the theory built on historical materialism and the theory of surplus value is called scientific.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Cùng nhìn cảnh công nhân khu công nghiệp làm thêm giờ: triết học hỏi mâu thuẫn nào thúc đẩy xã hội đổi thay; kinh tế chính trị tính giá trị mới công nhân tạo ra và phần bị chiếm; chủ nghĩa xã hội khoa học hỏi công nhân tổ chức công đoàn, liên minh với ai, Nhà nước cần chính sách gì để bảo vệ họ.

Looking at industrial-park workers on overtime: philosophy asks which contradiction drives social change; political economy measures the new value workers create and the part taken from them; scientific socialism asks how workers organise unions, whom they ally with and what policies the State needs to protect them.

1.2. Hoàn cảnh lịch sử ra đời: điều kiện kinh tế – xã hội — *Historical setting of its birth: socio-economic conditions*

Đại công nghiệp và mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản — *Large-scale industry and capitalism's basic contradiction*

- Đến thập niên 40 của thế kỷ XIX, cách mạng công nghiệp đã xong ở Anh và đang lan sang Pháp, Đức. Máy móc, nhà máy lớn trở thành lực lượng sản xuất chủ đạo.
By the 1840s the industrial revolution was complete in Britain and spreading to France and Germany. Machines and big factories became the leading productive force.
- Sản xuất mang **tính xã hội hóa** ngày càng cao (hàng nghìn người cùng làm ra một sản phẩm), trong khi tư liệu sản xuất và sản phẩm thuộc về **tư nhân nhà tư bản**. Đây là mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản; biểu hiện ra bằng khủng hoảng thừa và thất nghiệp.
*Production became ever more **socialised** (thousands of people making one product) while the means of production and the output belonged to **private capitalists**. This is capitalism's basic contradiction, showing itself as overproduction crises and unemployment.*

Mác và Ăngghen ghi nhận sức sản xuất của giai cấp tư sản: “Giai cấp tư sản, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại” (C. Mác và Ph. Ăngghen: Toàn tập, t.4, tr.603).

Marx and Engels acknowledged the bourgeoisie's productive power: “The bourgeoisie, during its rule of scarce one hundred years, has created more massive and more colossal productive forces than have all preceding generations together” (Marx and Engels, Collected Works, Vietnamese ed., vol. 4, p. 603).

Hai giai cấp đối lập và các phong trào công nhân đầu tiên — *Two opposed classes and the first workers' movements*

Đại công nghiệp sinh ra hai giai cấp có lợi ích căn bản đối lập: giai cấp tư sản nắm tư liệu sản xuất và giai cấp vô sản (giai cấp công nhân) bán sức lao động. Từ đập phá máy móc, công nhân chuyển sang đấu tranh có tổ chức, có mục tiêu chính trị.

Large-scale industry produced two classes with fundamentally opposed interests: the bourgeoisie, owning the means of production, and the proletariat (working class), selling its labour power. Workers moved from machine-breaking to organised struggle with political aims.

Phong trào <i>Movement</i>	Nước, thời gian <i>Country, date</i>	Điểm mới <i>What was new</i>
Công nhân dệt Liông <i>Lyon silk weavers</i>	Pháp, 1831 và 1834 <i>France, 1831 and 1834</i>	1831 còn đòi quyền sống bằng lao động (“sống có việc làm hay là chết trong đấu tranh”); 1834 đã nêu khẩu hiệu chính trị “Cộng hòa hay là chết” <i>In 1831 still a demand to live by work (“live working or die fighting”); by 1834 the political slogan “Republic or death”</i>
Phong trào Hiến chương <i>Chartist movement</i>	Anh, 1836 – 1848 <i>Britain, 1836 – 1848</i>	Phong trào quần chúng kéo dài hơn mười năm, đòi quyền bầu cử phổ thông cho nam giới <i>A mass movement lasting over ten years, demanding universal male suffrage</i>
Công nhân dệt Xilêdi <i>Silesian weavers</i>	Đức, 1844 <i>Germany, 1844</i>	Công nhân đối đầu trực tiếp với chủ xưởng, bộc lộ ý thức giai cấp <i>Workers confronted the mill owners directly, showing class consciousness</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Ba phong trào **Liông (1831, 1834) – Hiến chương Anh (1836 – 1848) – Xilêdi (1844)** chứng tỏ giai cấp công nhân đã thành **lực lượng chính trị độc lập**, nhắm thẳng vào giai cấp tư sản. Phong trào cần một lý luận soi đường và một cương lĩnh hành động: đó là đòi hỏi khách quan làm chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời.

*The three movements **Lyon (1831, 1834) – Chartism (1836 – 1848) – Silesia (1844)** show the working class had become an **independent political force**, aiming straight at the bourgeoisie. The movement needed a guiding theory and a programme of action: the objective demand that gave birth to scientific socialism.*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi Công xã Pari (1871) vào điều kiện kinh tế – xã hội làm chủ nghĩa xã hội khoa học ra đời. Công xã nổ ra sau Tuyên ngôn 23 năm; nó là thực tiễn để Mác – Ăngghen **phát triển** lý luận, không phải tiền đề **ra đời**.

*Listing the Paris Commune (1871) among the conditions for the birth of scientific socialism. The Commune came 23 years after the Manifesto; it was practice from which Marx and Engels **developed** the theory, not a premise of its **birth**.*

1.3. Tiền đề khoa học tự nhiên và tiền đề tư tưởng lý luận — *The natural-science and theoretical premises*

Ba phát minh của khoa học tự nhiên — *Three discoveries of natural science*

Phát minh <i>Discovery</i>	Tác giả, thời gian <i>Author, date</i>	Bác bỏ quan niệm nào <i>What it refuted</i>	Đóng góp cho học thuyết mới <i>Contribution to the new theory</i>
Học thuyết tế bào <i>Cell theory</i>	M. Schleiden, T. Schwann, 1838 – 1839 <i>M. Schleiden, T. Schwann, 1838 – 1839</i>	Thực vật và động vật là hai thế giới tách biệt <i>Plants and animals as separate worlds</i>	Thế giới sống thống nhất về cấu tạo, phát triển từ thấp lên cao <i>Living nature is unified in structure and develops from lower to higher</i>
Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng <i>Law of conservation and transformation of energy</i>	J.R. Mayer và các nhà khoa học khác, thập niên 1840 <i>J. R. Mayer and others, 1840s</i>	Các dạng vận động tách rời, có thể tự sinh, tự mất <i>Forms of motion as separate and able to appear or vanish</i>	Vận động không mất đi, chỉ chuyển hóa; thế giới là một chỉnh thể vận động <i>Motion is never lost, only transformed; the world is one moving whole</i>
Học thuyết tiến hóa <i>Theory of evolution</i>	S. Đácquyn, 1859 <i>C. Darwin, 1859</i>	Loài do Thượng đế tạo ra, bất biến <i>Species created by God and fixed</i>	Giới tự nhiên có lịch sử, phát triển theo quy luật <i>Nature has a history and develops by laws</i>

- Ba phát minh là cơ sở khoa học cho chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; Mác – Ăngghen dùng phương pháp luận đó để nghiên cứu các vấn đề chính trị – xã hội.
The three discoveries gave a scientific basis to dialectical and historical materialism; Marx and Engels used that methodology to study socio-political questions.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Kể tiền đề mà bỏ sót nhóm khoa học tự nhiên, hoặc đưa vào thuyết tương đối, tia X, điện tử. Những phát minh này xuất hiện cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX, sau khi chủ nghĩa xã hội khoa học đã ra đời.
Listing the premises without the natural-science group, or adding relativity, X-rays or the electron. Those came at the turn of the 20th century, after scientific socialism was born.

Ba nguồn tư tưởng lý luận — *Three theoretical sources*

Nguồn <i>Source</i>	Đại biểu <i>Thinkers</i>	Mác – Ăngghen kế thừa <i>What Marx and Engels took</i>	Mác – Ăngghen gạt bỏ <i>What they discarded</i>
Triết học cổ điển Đức <i>Classical German philosophy</i>	G.W.F. Hêghen (1770 – 1831), L. Phoiơbắc (1804 – 1872) <i>G.W.F. Hegel (1770 – 1831), L. Feuerbach (1804 – 1872)</i>	Phép biện chứng (Hêghen); quan điểm duy vật (Phoiơbắc) <i>Dialectics (Hegel); materialism (Feuerbach)</i>	Vô duy tâm, thần bí (Hêghen); tính siêu hình, duy vật không triệt để về xã hội (Phoiơbắc) <i>Idealist, mystical shell (Hegel); metaphysics and materialism that stops short of society (Feuerbach)</i>
Kinh tế chính trị cổ điển Anh <i>Classical British political economy</i>	A. Xmit (1723 – 1790), Đ. Ricácđô (1772 – 1823) <i>A. Smith (1723 – 1790), D. Ricardo (1772 – 1823)</i>	Lý luận giá trị – lao động <i>The labour theory of value</i>	Coi quan hệ tư bản là vĩnh viễn, tự nhiên; không giải thích được nguồn gốc lợi nhuận <i>Treating capitalist relations as eternal and natural; unable to explain the source of profit</i>
Chủ nghĩa xã hội không tưởng – phê phán <i>Critical-utopian socialism</i>	Xanh Ximông (1760 – 1825), S. Phuriê (1772 – 1837), R. Ôoen (1771 – 1858) <i>Saint-Simon (1760 – 1825), C. Fourier (1772 – 1837), R. Owen (1771 – 1858)</i>	Tinh thần phê phán chủ nghĩa tư bản, các dự báo về xã hội tương lai <i>The critique of capitalism and forecasts about the future society</i>	Tính ảo tưởng: trông vào lòng tốt, thực nghiệm khép kín, không thấy lực lượng xã hội <i>Illusions: reliance on goodwill, closed experiments, blindness to the social force</i>

Ba nhà không tưởng tiêu biểu — *Three leading utopians*

Nhà tư tưởng <i>Thinker</i>	Ý tưởng nổi bật <i>Key ideas</i>	Hành động thực tiễn <i>Practical action</i>
Xanh Ximông (Pháp) <i>Saint-Simon</i> (France)	Xã hội tương lai là “chế độ công nghiệp”, do nhà công nghiệp và nhà khoa học điều hành; mọi người đều phải lao động; chính trị là khoa học về sản xuất <i>The future is an “industrial system” run by industrialists and scientists; everyone must work; politics is the science of production</i>	Viết sách, kêu gọi giới cầm quyền và nhà tư bản tự nguyện cải cách <i>Wrote books appealing to rulers and capitalists to reform voluntarily</i>
Phuriê (Pháp) <i>Fourier</i> (France)	Phê phán “văn minh” tư bản đầy lừa lọc; xã hội mới gồm các Falanxtơ (công xã sản xuất – tiêu dùng); coi mức giải phóng phụ nữ là thước đo giải phóng chung của xã hội <i>Attacked the deceit of capitalist “civilisation”; the new society built of phalansteries (producer–consumer communes); saw women’s emancipation as the measure of general emancipation</i>	Chờ nhà tài trợ góp vốn dựng Falanxtơ đầu tiên, không thành <i>Waited for a patron to fund the first phalanstery; none came</i>
Ôoen (Anh) <i>Owen</i> (Britain)	Con người do hoàn cảnh tạo nên; muốn người tốt phải cải tạo hoàn cảnh; xóa tư hữu, lập công xã <i>People are shaped by circumstances; to make good people, change circumstances; abolish private property, set up communes</i>	Cải tạo nhà máy Niu Lanác (Xcốtlen): giảm giờ làm, mở trường cho con công nhân; lập công xã Niu Hamoni (Mỹ) và thất bại <i>Reformed the New Lanark mills (Scotland): shorter hours, schools for workers’ children; set up the New Harmony commune (USA), which failed</i>

- Ôoen là người Anh nhưng vẫn được xếp chung vào dòng chủ nghĩa xã hội không tưởng – phê phán đầu thế kỷ XIX mà Lênin gọi gộp là “chủ nghĩa xã hội Pháp”.
Owen was British, yet he is grouped with the early-19th-century critical-utopian current that Lenin lumped together as “French socialism”.

Giá trị và hạn chế — Merits and limits

Giá trị <i>Merits</i>	Hạn chế <i>Limits</i>
Phê phán chế độ quân chủ chuyên chế và chủ nghĩa tư bản: bất công, nghèo khổ, đạo đức suy đồi <i>Attacked absolute monarchy and capitalism: injustice, poverty, moral decay</i>	Không phát hiện quy luật vận động của xã hội loài người và bản chất, quy luật của chủ nghĩa tư bản <i>Did not discover the laws of human society or the nature and laws of capitalism</i>
Dự báo về xã hội tương lai: tổ chức sản xuất và phân phối, vai trò công nghiệp và khoa học, xóa đối lập lao động trí óc – chân tay, giải phóng phụ nữ, vai trò của nhà nước <i>Forecasts on the future: organising production and distribution, the role of industry and science, ending the mental–manual divide, women’s emancipation, the role of the state</i>	Không thấy giai cấp công nhân là lực lượng xã hội thực hiện bước chuyển lên xã hội mới <i>Did not see the working class as the social force to carry out the transition</i>
Tư tưởng phê phán và sự dấn thân của họ góp phần thức tỉnh công nhân, người lao động <i>Their critique and commitment helped awaken workers and working people</i>	Không chỉ ra con đường, biện pháp hiện thực; trông vào thuyết phục, lòng tốt, mô hình thí điểm <i>Offered no realistic path or means; relied on persuasion, goodwill and pilot models</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Chủ nghĩa xã hội không tưởng – phê phán là **tiền đề lý luận trực tiếp** của chủ nghĩa xã hội khoa học. Nó vẫn “không tưởng” vì thiếu ba thứ: **quy luật** của xã hội, **lực lượng** thực hiện (giai cấp công nhân) và **con đường** hiện thực. Nguyên nhân: điều kiện lịch sử chưa chín và thế giới quan duy tâm về lịch sử.

*Critical-utopian socialism is the **direct theoretical premise** of scientific socialism. It stays “utopian” because it lacks three things: the **laws** of society, the **force** to carry out the change (the working class) and a realistic **path**. Causes: unripe historical conditions and an idealist view of history.*

Lênin vẫn ghi nhận: chủ nghĩa xã hội lý luận Đức “sẽ không bao giờ quên rằng nó dựa vào Xanh Ximông, Phuriê và Ôoen” (V.I. Lênin: Toàn tập, t.6, tr.33).

Lenin still acknowledged that German theoretical socialism “will never forget that it rests on Saint-Simon, Fourier and Owen” (Lenin, Collected Works, Vietnamese ed., vol. 6, p. 33).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Một nhóm thiện nguyện xây “bếp ăn 0 đồng” trước cổng bệnh viện. Việc làm có giá trị nhân đạo, nhưng không thay đổi được nguyên nhân khiến bệnh nhân nghèo: thu nhập thấp, bảo hiểm chưa phủ đủ. Đặt trong khung lý luận, bếp ăn giống mô hình thí điểm của Ôoen: tốt về đạo đức, không phải con đường cải tạo xã hội.

A charity group runs a “free kitchen” outside a hospital. The act is humane but does not change why patients are poor: low income, incomplete insurance cover. In theoretical terms the kitchen resembles Owen’s pilot models: morally good, but not a path to transforming society.

1.4. Vai trò của C. Mác và Ph. Ăngghen: ba phát kiến vĩ đại — *The role of Marx and Engels: the three great discoveries*

Điều kiện kinh tế – xã hội và các tiền đề lý luận mới là **điều kiện cần**. **Điều kiện đủ** là hoạt động lý luận và thực tiễn của C. Mác (1818 – 1883) và Ph. Ăngghen (1820 – 1895).

*Socio-economic conditions and the theoretical premises are only the **necessary condition**. The **sufficient condition** is the theoretical and practical work of Karl Marx (1818 – 1883) and Friedrich Engels (1820 – 1895).*

Chuyển biến lập trường triết học và chính trị — *The shift in philosophical and political stand*

Tiêu chí <i>Criterion</i>	C. Mác <i>Marx</i>	Ph. Ăngghen <i>Engels</i>
Xuất phát điểm <i>Starting point</i>	Thành viên nhóm “Hêghen trẻ”, chịu ảnh hưởng Hêghen và Phoiobắc <i>Member of the “Young Hegelians”, influenced by Hegel and Feuerbach</i>	Cũng từ nhóm “Hêghen trẻ” <i>Also from the “Young Hegelians”</i>
Thời điểm chuyển biến <i>Time of the shift</i>	Cuối 1843 – đầu 1844 <i>Late 1843 – early 1844</i>	Từ 1843 <i>From 1843</i>
Tác phẩm đánh dấu <i>Marker works</i>	Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen. Lời nói đầu (1844) <i>Contribution to the Critique of Hegel’s Philosophy of Right. Introduction (1844)</i>	Lược khảo khoa kinh tế chính trị; các bài viết về tình cảnh nước Anh <i>Outlines of a Critique of Political Economy; writings on the condition of England</i>
Nội dung chuyển biến <i>Content of the shift</i>	Từ duy tâm sang duy vật; từ dân chủ cách mạng sang cộng sản chủ nghĩa <i>From idealism to materialism; from revolutionary democracy to communism</i>	Như Mác, đi qua con đường nghiên cứu kinh tế và đời sống công nhân Anh <i>The same, reached through studying economics and the life of English workers</i>

- Trong 1843 – 1848, vừa nghiên cứu vừa tham gia phong trào công nhân, hai ông củng cố lập trường mới. Không có bước chuyển này thì không có chủ nghĩa xã hội khoa học.

Between 1843 and 1848, combining research with the workers’ movement, they consolidated the new stand. Without this shift there would be no scientific socialism.

- Với Hêghen: giữ “hạt nhân hợp lý” là phép biện chứng, bỏ cái vỏ duy tâm thần bí. Với Phoiobắc: giữ quan điểm duy vật, bỏ tính siêu hình. Kết quả là chủ nghĩa duy vật biện chứng.

From Hegel: keep the “rational kernel”, dialectics, and drop the mystical idealist shell.

From Feuerbach: keep materialism, drop metaphysics. The result is dialectical materialism.

Ba phát kiến vĩ đại — The three great discoveries

Phát kiến <i>Discovery</i>	Từ đâu mà có <i>Where it came from</i>	Khẳng định về phương diện <i>What it proves, and on which side</i>
1. Chủ nghĩa duy vật lịch sử <i>1. Historical materialism</i>	Dùng phép biện chứng duy vật nghiên cứu xã hội, nhất là chủ nghĩa tư bản <i>Applying materialist dialectics to society, above all to capitalism</i>	Triết học: sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đều tất yếu như nhau <i>Philosophical: the fall of capitalism and the victory of socialism are equally inevitable</i>
2. Học thuyết giá trị thặng dư <i>2. Theory of surplus value</i>	Từ duy vật lịch sử đi sâu vào nền sản xuất tư bản; nội dung cốt lõi của bộ Tư bản <i>From historical materialism into capitalist production; the core of Capital</i>	Kinh tế: vạch nguồn gốc bóc lột; chủ nghĩa tư bản không tránh khỏi diệt vong <i>Economic: exposes the source of exploitation; capitalism cannot escape its end</i>
3. Sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân <i>3. The world-historic mission of the working class</i>	Rút ra trên nền hai phát kiến đầu <i>Drawn on the basis of the first two</i>	Chính trị – xã hội: giai cấp công nhân thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản <i>Socio-political: the working class abolishes capitalism and builds socialism and communism</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Ba phát kiến vĩ đại: (1) chủ nghĩa duy vật lịch sử — phương diện triết học; (2) học thuyết giá trị thặng dư — phương diện kinh tế; (3) học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân — phương diện chính trị – xã hội. Phát kiến thứ ba khắc phục tận gốc hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng.
The three great discoveries: (1) historical materialism — the philosophical side; (2) the theory of surplus value — the economic side; (3) the theory of the working class's world-historic mission — the socio-political side. The third discovery removes the root limit of utopian socialism.

Hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng <i>Utopian limit</i>	Phát kiến khắc phục <i>Discovery that fixes it</i>
Không thấy quy luật vận động của xã hội <i>No grasp of social laws</i>	Chủ nghĩa duy vật lịch sử <i>Historical materialism</i>
Không giải thích được bản chất bóc lột của lao động làm thuê <i>No explanation of exploitation in wage labour</i>	Học thuyết giá trị thặng dư <i>Theory of surplus value</i>
Không tìm ra lực lượng xã hội tạo dựng xã hội mới <i>No social force to build the new society</i>	Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân <i>Historical mission of the working class</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Chỉ kể **hai** phát kiến (duy vật lịch sử, giá trị thặng dư) vì Ăngghen từng nói “hai phát kiến vĩ đại”. Giáo trình môn này tính **ba**, thêm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; bài thi thiếu ý thứ ba bị trừ điểm.

*Naming only **two** discoveries (historical materialism, surplus value) because Engels once spoke of “two great discoveries”. This course counts **three**, adding the working class’s historical mission; an exam answer missing the third loses marks.*

VÍ DỤ / EXAMPLE — Đọc bảng lương của một công nhân may: 8 giờ làm ra hàng trị giá gấp nhiều lần tiền lương ngày. Học thuyết giá trị thặng dư giải thích phần chênh lệch đi đâu; duy vật lịch sử giải thích vì sao quan hệ này không vĩnh viễn; học thuyết sứ mệnh trả lời ai có lợi ích và sức mạnh để thay đổi nó.

Reading a garment worker’s payslip: 8 hours produce goods worth many times the daily wage. The theory of surplus value explains where the difference goes; historical materialism explains why this relation is not eternal; the theory of the mission answers who has the interest and strength to change it.

1.5. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (1848) đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học — *The Communist Manifesto (1848) marks the birth of scientific socialism*

Tuyên ngôn do Mác và Ăngghen soạn theo ủy nhiệm của Đồng minh những người cộng sản, công bố năm 1848. Đây là văn kiện kinh điển chủ yếu của chủ nghĩa xã hội khoa học.

The Manifesto was written by Marx and Engels on behalf of the Communist League and published in 1848. It is the main classic document of scientific socialism.

Vị trí của Tuyên ngôn <i>Place of the Manifesto</i>	Giải thích <i>Explanation</i>
Đánh dấu chủ nghĩa Mác hình thành về cơ bản <i>Marks the basic formation of Marxism</i>	Có đủ ba bộ phận: triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học <i>All three components present: philosophy, political economy, scientific socialism</i>
Cương lĩnh chính trị đầu tiên <i>The first political programme</i>	Định hướng hành động cho phong trào công nhân và người cộng sản các nước <i>The guide to action for the international communist and workers’ movement</i>
Ngọn cờ tập hợp lực lượng <i>A rallying banner</i>	Kêu gọi công nhân mọi nước đoàn kết chống chủ nghĩa tư bản <i>Calls on workers of every country to unite against capitalism</i>

Những luận điểm tiêu biểu — Key theses

Luận điểm <i>Thesis</i>	Nội dung tóm tắt <i>Summary</i>
Tự giải phóng gắn với giải phóng xã hội <i>Self-liberation tied to social liberation</i>	Giai cấp công nhân chỉ tự giải phóng được khi giải phóng cả xã hội khỏi phân chia giai cấp, áp bức, bóc lột; muốn vậy phải lập chính đảng của mình <i>The working class frees itself only by freeing all society from class division, oppression and exploitation; to do so it must form its own party</i>
Hai cái tất yếu như nhau <i>Two equal inevitabilities</i>	Chủ nghĩa tư bản sụp đổ và chủ nghĩa xã hội thắng lợi là tất yếu như nhau <i>Capitalism's fall and socialism's victory are equally inevitable</i>
Vai trò giai cấp công nhân <i>The working class's role</i>	Đại diện lực lượng sản xuất tiên tiến, có sứ mệnh thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, đi đầu xây dựng xã hội mới <i>Represents advanced productive forces; its mission is to abolish capitalism and lead the building of the new society</i>
Liên minh và sách lược <i>Alliances and tactics</i>	Người cộng sản liên minh với các lực lượng dân chủ chống chế độ phong kiến chuyên chế nhưng không quên mục tiêu cuối cùng; cách mạng không ngừng, sách lược khôn khéo, kiên quyết <i>Communists ally with democratic forces against feudal absolutism without forgetting the final aim; permanent revolution with shrewd and firm tactics</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Câu kết của Tuyên ngôn: “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!” (C. Mác và Ph. Ăngghen, Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, 1848).
The Manifesto's closing line: “Proletarians of all countries, unite!” (Marx and Engels, The Communist Manifesto, 1848).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi bộ Tư bản (tập I, 1867) là tác phẩm đánh dấu sự ra đời. Tư bản ra đời sau và **chứng minh** học thuyết về mặt kinh tế; mốc ra đời là Tuyên ngôn **1848**.
*Naming Capital (vol. I, 1867) as the founding work. Capital came later and **proved** the theory economically; the founding landmark is the **1848 Manifesto**.*

3 tiền đề <i>3 premises</i>	3 phát kiến <i>3 discoveries</i>	1 văn kiện đánh dấu <i>1 landmark document</i>
Kinh tế – xã hội (đại công nghiệp, phong trào công nhân) <i>Socio-economic (large-scale industry, workers' movement)</i>	Chủ nghĩa duy vật lịch sử <i>Historical materialism</i>	Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, 1848 <i>The Communist Manifesto, 1848</i>
Khoa học tự nhiên (tế bào, năng lượng, tiến hóa) <i>Natural science (cell, energy, evolution)</i>	Học thuyết giá trị thặng dư <i>Theory of surplus value</i>	
Tư tưởng lý luận (triết học Đức, kinh tế chính trị Anh, chủ nghĩa xã hội không tưởng) <i>Theory (German philosophy, British political economy, utopian socialism)</i>	Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân <i>Historical mission of the working class</i>	

1.6. Các giai đoạn phát triển: C. Mác và Ph. Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học — *Stages of development: Marx and Engels develop scientific socialism*

Thời kỳ <i>Period</i>	Sự kiện thực tiễn <i>Events</i>	Luận điểm được bổ sung <i>Theses added</i>
1848 – 1871 <i>1848 – 1871</i>	Các cuộc cách mạng 1848 ở Tây Âu; Quốc tế I thành lập (1864); Tư bản, tập I (1867) <i>The 1848 revolutions in Western Europe; the First International founded (1864); Capital, vol. I (1867)</i>	Đập tan bộ máy nhà nước tư sản, lập chuyên chính vô sản; cách mạng không ngừng kết hợp đấu tranh của nông dân; liên minh công – nông là điều kiện tiên quyết <i>Smash the bourgeois state machine and establish the dictatorship of the proletariat; permanent revolution linked with the peasants' struggle; the worker-peasant alliance as a precondition</i>
1871 – 1895 <i>1871 – 1895</i>	Công xã Paris (1871); Chống Đuyrinh (1878) <i>The Paris Commune (1871); Anti-Dühring (1878)</i>	Đập tan bộ máy nhà nước quan liêu chứ không phải mọi bộ máy nhà nước; Công xã là một hình thức nhà nước của giai cấp công nhân; luận chứng bước chuyển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học <i>Smash the bureaucratic machine, not every state apparatus; the Commune as a form of working-class state; the case for socialism's passage from utopia to science</i>

Lênin đánh giá bộ Tư bản: từ khi nó ra đời, quan niệm duy vật về lịch sử không còn là giả thuyết mà là nguyên lý đã được chứng minh khoa học.

Lenin said of Capital that from its appearance the materialist conception of history ceased to be a hypothesis and became a scientifically proven principle.

Thái độ chống giáo điều của hai nhà sáng lập — *The founders' stand against dogma*

- Mác và Ăngghen không coi học thuyết của mình là bất biến. Ăngghen thừa nhận hai ông đã đánh giá sai thời điểm cách mạng vô sản ở châu Âu: kinh tế lục địa khi đó còn xa mới chín muồi để xóa bỏ phương thức sản xuất tư bản.

Marx and Engels did not regard their theory as fixed. Engels admitted they had misjudged the timing of proletarian revolution in Europe: the continent's economy was still far from ripe for abolishing the capitalist mode of production.

- Hai ông yêu cầu học thuyết phải được bổ sung theo điều kiện lịch sử mới; đó là “gợi ý” cho Lênin và những người kế tục.

They required the theory to be supplemented as historical conditions changed — a “hint” for Lenin and later followers.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Giống một bản đồ số: khi đường mới mở, ứng dụng cập nhật tuyến; ai cứ đi theo bản đồ in năm cũ sẽ lạc. Chính người vẽ bản đồ (Mác – Ăngghen) đã dặn phải cập nhật.

Like a digital map: when a new road opens the app updates its routes; whoever keeps following an old printed map gets lost. The mapmakers themselves (Marx and Engels) said it must be updated.

1.7. Lênin vận dụng, phát triển và sự phát triển từ năm 1924 đến nay — *Lenin's application and development, and developments since 1924*

V.I. Lênin (1870 – 1924) kế tục Mác – Ăngghen trong thời đại chủ nghĩa đế quốc. Công lao của Mác – Ăngghen là biến chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học; công lao của Lênin là đưa nó thành **chủ nghĩa xã hội hiện thực**, mở đầu bằng Nhà nước Xôviết sau Cách mạng Tháng Mười Nga 1917.

*Lenin (1870 – 1924) carried on Marx and Engels's work in the age of imperialism. Marx and Engels turned socialism from utopia into science; Lenin turned it into **real socialism**, beginning with the Soviet state after the October Revolution of 1917.*

Hai thời kỳ đóng góp của Lênin — Two periods of Lenin's contribution

Lĩnh vực <i>Field</i>	Trước Cách mạng Tháng Mười <i>Before October 1917</i>	1917 – 1924 <i>1917 – 1924</i>
Bảo vệ chủ nghĩa Mác <i>Defending Marxism</i>	Đấu tranh với phái dân túy, “phái kinh tế”, “phái mácxít hợp pháp” <i>Fought the Narodniks, the “Economists”, the “legal Marxists”</i>	Phản bác luận điệu chuyên chính vô sản chỉ là bạo lực <i>Refuted the claim that proletarian dictatorship is only violence</i>
Đảng <i>The party</i>	Lý luận về đảng kiểu mới của giai cấp công nhân: nguyên tắc tổ chức, cương lĩnh, sách lược <i>Theory of the new-type working-class party: organisation, programme, tactics</i>	Hệ thống chuyên chính vô sản: Đảng lãnh đạo, Nhà nước Xôviết quản lý, công đoàn <i>The system of proletarian dictatorship: party leadership, Soviet state management, trade unions</i>
Cách mạng <i>Revolution</i>	Quy luật phát triển không đều → cách mạng có thể thắng ở một nước, khâu yếu nhất của chủ nghĩa tư bản; cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới chuyển lên cách mạng xã hội chủ nghĩa <i>Law of uneven development → revolution can win in one country, capitalism's weakest link; new-type bourgeois-democratic revolution growing into socialist revolution</i>	Chuyên chính vô sản là kiểu tổ chức lao động xã hội cao hơn chủ nghĩa tư bản, cơ sở là liên minh công – nông <i>Proletarian dictatorship as a higher organisation of social labour than capitalism, based on the worker-peasant alliance</i>
Dân chủ, nhà nước <i>Democracy, state</i>	Chưa phải trọng tâm <i>Not yet the focus</i>	Không có “dân chủ thuần túy”: chỉ có dân chủ tư sản hoặc dân chủ vô sản; bộ máy phải tinh gọn, chống quan liêu <i>No “pure democracy”: only bourgeois or proletarian democracy; a lean apparatus, fighting bureaucracy</i>
Kinh tế <i>Economy</i>	Nghiên cứu chủ nghĩa đế quốc <i>Studied imperialism</i>	Chính sách kinh tế mới (1921): kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, chủ nghĩa tư bản nhà nước, hợp tác xã, điện khí hóa, học kỹ thuật và quản lý của chủ nghĩa tư bản, dùng chuyên gia tư sản <i>New Economic Policy (1921): a multi-sector commodity economy, state capitalism, cooperatives, electrification, learning technology and management from capitalism, using bourgeois experts</i>

Lĩnh vực <i>Field</i>	Trước Cách mạng Tháng Mười <i>Before October 1917</i>	1917 – 1924 <i>1917 – 1924</i>
Dân tộc <i>Nations</i>	Cương lĩnh dân tộc: bình đẳng, quyền tự quyết, đoàn kết công nhân các dân tộc <i>The national programme: equality, self-determination, unity of workers of all nations</i>	Mở rộng khẩu hiệu đoàn kết tới các dân tộc bị áp bức <i>Extended the call for unity to oppressed nations</i>

V.I. Lênin: “chế độ dân chủ vô sản so với bất cứ chế độ dân chủ tư sản nào, cũng dân chủ hơn gấp triệu lần” (V.I. Lênin: Toàn tập, t.37, tr.312).

Lenin: “proletarian democracy is a million times more democratic than any bourgeois democracy” (Lenin, Collected Works, Vietnamese ed., vol. 37, p. 312).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Mác – Ăngghen: chủ nghĩa xã hội **từ không tưởng thành khoa học**. Lênin: chủ nghĩa xã hội **từ lý luận thành hiện thực** (Nhà nước Xôviết, 1917).

Luận điểm riêng của Lênin hay thi: cách mạng thắng ở **khâu yếu nhất**; đảng kiểu mới; Chính sách kinh tế mới với **kinh tế nhiều thành phần**.

Marx and Engels: socialism from utopia to science. Lenin: socialism from theory to reality (the Soviet state, 1917). Lenin’s own theses often examined: revolution wins at the weakest link; the new-type party; the NEP with a multi-sector economy.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Cho rằng Lênin chủ trương xóa ngay thị trường, quốc hữu hóa mọi thứ. Chính sách kinh tế mới đi theo hướng ngược lại: thừa nhận buôn bán, nhiều thành phần kinh tế, chủ nghĩa tư bản nhà nước. Việt Nam tham khảo tư tưởng này khi đổi mới năm 1986.

Claiming Lenin wanted to abolish the market at once and nationalise everything. The NEP went the other way: it accepted trade, several economic sectors and state capitalism. Vietnam drew on this thinking in its 1986 renovation.

Từ năm 1924 đến nay — From 1924 to the present

Giai đoạn <i>Period</i>	Diễn biến chính <i>Main events</i>	Đóng góp, bài học lý luận <i>Theoretical gain, lesson</i>
1924 – 1945 <i>1924 – 1945</i>	Liên Xô công nghiệp hóa; Quốc tế Cộng sản hoạt động đến 1943; Liên Xô góp phần quyết định đánh bại phát xít <i>The USSR industrialises; the Communist International runs until 1943; the USSR plays a decisive part in defeating fascism</i>	Khái niệm “chủ nghĩa Mác – Lênin” được định hình; Liên Xô thành cường quốc xã hội chủ nghĩa <i>The term “Marxism-Leninism” takes shape; the USSR becomes a socialist great power</i>
1945 – 1991 <i>1945 – 1991</i>	Hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới hình thành; các hội nghị quốc tế của các đảng cộng sản tại Mátxcova (1957; 1960 với 81 đảng) <i>The world socialist system forms; international meetings of communist parties in Moscow (1957; 1960 with 81 parties)</i>	Tổng kết các quy luật chung của cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội; về sau một phần bị thực tiễn vượt qua; đấu tranh với chủ nghĩa xét lại và giáo điều <i>General laws of socialist transformation and construction summarised, later partly overtaken by events; struggle against revisionism and dogma</i>
Cuối thập niên 1980 – 1991 <i>Late 1980s – 1991</i>	Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ <i>Socialism in the USSR and Eastern Europe collapses</i>	Sụp đổ một mô hình cụ thể do giáo điều, chủ quan, chậm đổi mới đúng hướng, chủ nghĩa cơ hội và sự chống phá từ bên ngoài <i>The fall of a concrete model through dogma, voluntarism, failure to reform in the right direction, opportunism and outside subversion</i>
1991 đến nay <i>1991 – present</i>	Một số nước giữ định hướng xã hội chủ nghĩa: Trung Quốc (cải cách, mở cửa từ cuối 1978), Việt Nam (đổi mới từ 1986), Lào, Cuba <i>Some countries keep the socialist orientation: China (reform and opening from late 1978), Vietnam (renovation from 1986), Laos, Cuba</i>	Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; lý luận phát triển qua tổng kết thực tiễn từng nước <i>A socialist-oriented market economy; theory developing through each country’s practice</i>

Vận dụng ở Việt Nam: đổi mới tư duy lý luận — Application in Vietnam: renewal of theoretical thinking

Đại hội VI (1986) mở đầu công cuộc đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991; bổ sung, phát triển năm 2011) xác định mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

The 6th Congress (1986) launched renovation, starting with renewed thinking. The Platform for national construction in the transition to socialism (1991; supplemented and developed in 2011) sets the goal of “a prosperous people, a strong country, democracy, fairness and civilisation”.

Nhận thức lý luận mới của Đảng Cộng sản Việt Nam <i>New theoretical understanding of the CPV</i>	Diễn giải ngắn <i>Brief explanation</i>
Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội <i>National independence tied to socialism</i>	Quy luật của cách mạng Việt Nam trong thời đại ngày nay <i>The law of the Vietnamese revolution in the present age</i>
Đổi mới kinh tế là trung tâm, đổi mới chính trị từng bước <i>Economic renewal at the centre, political renewal step by step</i>	Giữ ổn định chính trị để phát triển; kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, văn hóa là nền tảng tinh thần <i>Keep political stability for development; the economy as the central task, Party building as the key, culture as the spiritual foundation</i>
Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa <i>Socialist-oriented market economy</i>	Nhà nước kiến tạo, quản lý; tăng trưởng đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội, giữ bản sắc văn hóa, bảo vệ môi trường <i>A facilitating, managing State; growth together with social progress and fairness, cultural identity and environmental protection</i>
Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa <i>Socialist rule-of-law state</i>	Phát huy dân chủ, quyền lực thuộc về nhân dân; Hiến pháp 2013 ghi nhận <i>Promote democracy, power belongs to the people; enshrined in the 2013 Constitution</i>
Đại đoàn kết toàn dân tộc <i>Great national unity</i>	Mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, người Việt trong và ngoài nước <i>All classes, strata, ethnic groups, religions, Vietnamese at home and abroad</i>
Hội nhập quốc tế <i>International integration</i>	Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại <i>Combine national strength with the strength of the age</i>
Vai trò lãnh đạo của Đảng <i>The Party's leadership</i>	Nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của đổi mới <i>The foremost factor for the success of renovation</i>

- Những định hướng gần đây tiếp tục bước đổi mới tư duy: **Nghị quyết 57-NQ/TW** (22/12/2024) về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; **Nghị quyết 68-NQ/TW** (4/5/2025) xác định kinh tế tư nhân là “một động lực quan trọng nhất” của nền kinh tế; **Đại hội XIV** (19 – 23/1/2026).
*Recent guidelines continue the renewal of thinking: **Resolution 57-NQ/TW** (22 Dec 2024) on breakthroughs in science, technology, innovation and digital transformation; **Resolution 68-NQ/TW** (4 May 2025) naming the private economy “one of the most important driving forces” of the economy; the **14th Congress** (19 – 23 Jan 2026).*

VÍ DỤ / EXAMPLE — Năm 1986 một hộ nông dân chỉ được làm theo kế hoạch hợp tác xã giao; nay hộ đó có thể lập doanh nghiệp, bán nông sản qua sàn thương mại điện tử, vay vốn khởi nghiệp. Thay đổi đó là kết quả của nhận thức mới: thị trường và kinh tế tư nhân được dùng để đi lên chủ nghĩa xã hội.

In 1986 a farming household could only work to the cooperative's plan; today it can set up a company, sell produce on e-commerce platforms and borrow start-up capital. That change follows from a new understanding: the market and the private sector are used to advance towards socialism.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Cho rằng kinh tế thị trường và kinh tế tư nhân là “đi chệch” khỏi chủ nghĩa xã hội khoa học. Lenin đã chủ trương kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ; Đảng ta phát triển tư tưởng đó trong điều kiện Việt Nam.

Claiming the market economy and private sector are a “deviation” from scientific socialism. Lenin already advocated a multi-sector economy in the transition; the CPV developed that idea in Vietnamese conditions.

1.8. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học — *The object of study of scientific socialism*

Khách thể và đối tượng — *Field and object*

- **Khách thể** là vùng hiện thực mà khoa học hướng tới: với chủ nghĩa xã hội khoa học là lĩnh vực chính trị – xã hội của đời sống xã hội. Nhiều ngành cùng nghiên cứu một khách thể (chính trị học, xã hội học, luật học...).

*The **field** is the area of reality a science looks at: for scientific socialism, the socio-political sphere of social life. Many disciplines share one field (political science, sociology, law...).*

- **Đối tượng** là những quy luật, tính quy luật riêng mà một khoa học tìm ra trong khách thể đó. Đối tượng là cái phân biệt các khoa học.

*The **object** is the specific laws and regularities a science uncovers within that field. The object is what tells sciences apart.*

PHẢI THUỘC / MEMORISE — **Đối tượng nghiên cứu** của chủ nghĩa xã hội khoa học: (1) các quy luật, tính quy luật chính trị – xã hội chi phối quá trình hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa ra đời, hình thành, phát triển (giai đoạn thấp: chủ nghĩa xã hội); (2) nguyên tắc, điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp mà giai cấp công nhân cùng người lao động dùng trong đấu tranh cách mạng để đưa xã hội vượt qua chủ nghĩa tư bản, tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

*The **object of study** of scientific socialism: (1) the socio-political laws and regularities of the emergence, formation and development of the communist socio-economic formation, whose lower phase is socialism; (2) the principles, conditions, paths, forms and methods of revolutionary struggle of the working class and working people to pass from capitalism to socialism and communism.*

Bộ phận <i>Component</i>	Đối tượng <i>Object</i>	Câu hỏi trả lời <i>Question answered</i>
Triết học Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist philosophy</i>	Quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội, tư duy <i>The most general laws of nature, society and thought</i>	Vì sao xã hội phải chuyển lên hình thái cao hơn <i>Why society must move to a higher formation</i>
Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marxist-Leninist political economy</i>	Quan hệ sản xuất và trao đổi trong sự tác động với lực lượng sản xuất, kiến trúc thượng tầng <i>Relations of production and exchange in interaction with productive forces and superstructure</i>	Vì sao về kinh tế chủ nghĩa tư bản phải bị thay thế <i>Why, economically, capitalism must be replaced</i>
Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific socialism</i>	Quy luật, tính quy luật chính trị – xã hội; con đường đấu tranh của giai cấp công nhân <i>Socio-political laws and regularities; the path of working-class struggle</i>	Bằng con đường nào , do ai thực hiện bước chuyển <i>By what path, and by whom, the change is made</i>

Chủ nghĩa xã hội khoa học là sự tiếp tục logic của triết học và kinh tế chính trị mácxít, là nơi chủ nghĩa Mác – Lênin biểu hiện trực tiếp mục đích chính trị của nó trong thực tiễn.

Scientific socialism is the logical continuation of Marxist philosophy and political economy, the place where Marxism-Leninism shows its political purpose directly in practice.

Chức năng và nhiệm vụ — Function and tasks

Nội dung <i>Item</i>	Diễn giải <i>Explanation</i>
Chức năng <i>Function</i>	Giác ngộ, hướng dẫn giai cấp công nhân qua ba thời kỳ: giành chính quyền; xây dựng xã hội mới trên nền cải tạo xã hội cũ; đưa chủ nghĩa xã hội tiến dần lên chủ nghĩa cộng sản <i>Awakening and guiding the working class through three periods: winning power; transforming and building socialism; advancing socialism to communism</i>
Nhiệm vụ cơ bản <i>Basic task</i>	Luận chứng tính tất yếu của việc chủ nghĩa xã hội thay thế chủ nghĩa tư bản, gắn với sứ mệnh của giai cấp công nhân và vai trò của quần chúng <i>Proving the inevitability of socialism replacing capitalism, tied to the working class's mission and the role of the masses</i>
Nhiệm vụ cụ thể <i>Specific tasks</i>	Chiến lược, sách lược; hình thức đấu tranh; tổ chức hệ thống chính trị; tiền đề, bước đi, hình thức xây dựng xã hội mới; quan hệ với phong trào giải phóng dân tộc, dân chủ <i>Strategy and tactics; forms of struggle; organising the political system; premises, steps and forms of building the new society; ties with national-liberation and democratic movements</i>
Nhiệm vụ đấu tranh tư tưởng <i>Ideological task</i>	Phê phán, bác bỏ các trào lưu chống chủ nghĩa xã hội; bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin <i>Criticising and refuting anti-socialist currents; defending Marxism-Leninism</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Lẫn đối tượng với khách thể: viết “đối tượng của chủ nghĩa xã hội khoa học là lĩnh vực chính trị – xã hội”. Lĩnh vực đó là khách thể; đối tượng là **quy luật, tính quy luật** trong lĩnh vực ấy.

Confusing object with field: writing “the object of scientific socialism is the socio-political sphere”. That sphere is the field; the object is the laws and regularities within it.

1.9. Phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập chủ nghĩa xã hội khoa học — Research methods and why scientific socialism is studied

Phương pháp luận chung — General methodology

Nền tảng là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Thiếu nền tảng đó thì không luận giải được sứ mệnh của giai cấp công nhân và quá trình hình thành hình thái cộng sản chủ nghĩa.

The foundation is dialectical and historical materialism. Without it, neither the working class's mission nor the rise of the communist formation can be explained.

Các phương pháp đặc thù — *Specific methods*

Phương pháp <i>Method</i>	Cách làm <i>How it works</i>	Ví dụ vận dụng <i>Example</i>
Kết hợp lịch sử và logic (đặc trưng, quan trọng nhất) <i>Historical-logical (characteristic, most important)</i>	Từ tư liệu lịch sử có thật rút ra logic, quy luật; không dừng ở liệt kê sự kiện <i>From real historical material derive the logic and laws; do not stop at listing events</i>	Từ diễn biến 1986 – nay rút ra quy luật: đổi mới kinh tế đi trước, ổn định chính trị làm nền <i>From 1986 to now, derive the rule: economic renewal first, political stability as the base</i>
Khảo sát, phân tích chính trị – xã hội dựa trên điều kiện kinh tế – xã hội cụ thể (đặc thù) <i>Socio-political survey and analysis on concrete socio-economic conditions (specific)</i>	Xem mọi hoạt động, lợi ích dưới góc độ chính trị; đòi hỏi nhạy bén và lập trường vững <i>View every activity and interest from a political angle; requires sensitivity and a firm stand</i>	Phân tích ai được lợi, ai chịu thiệt khi một dự án thu hồi đất được triển khai <i>Analyse who gains and who loses when a land-acquisition project goes ahead</i>
So sánh <i>Comparison</i>	Đối chiếu điểm giống, khác về chính trị – xã hội giữa các chế độ, thể chế, mô hình <i>Contrast socio-political likenesses and differences between systems, institutions, models</i>	So sánh dân chủ tư sản với dân chủ xã hội chủ nghĩa; so sánh mô hình đổi mới với cải cách <i>Compare bourgeois and socialist democracy; compare renovation and reform models</i>
Liên ngành <i>Interdisciplinary</i>	Dùng phân tích – tổng hợp, thống kê, điều tra xã hội học, sơ đồ hóa, mô hình hóa <i>Use analysis and synthesis, statistics, sociological surveys, diagrams, modelling</i>	Bảng hỏi 500 công nhân về thu nhập, nhà ở, nhu cầu học tập <i>A questionnaire to 500 workers on income, housing and learning needs</i>
Tổng kết thực tiễn <i>Summing up practice</i>	Rút ra vấn đề có tính quy luật từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội từng nước <i>Draw regularities from each country's practice of building socialism</i>	Tổng kết mô hình hợp tác xã kiểu mới để sửa chính sách <i>Review new-type cooperatives to amend policy</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Phương pháp luận chung: **duy vật biện chứng và duy vật lịch sử**. Phương pháp đặc thù: **lịch sử – logic** (đặc trưng nhất); **khảo sát, phân tích chính trị – xã hội**; **so sánh**; **liên ngành**; **tổng kết thực tiễn**.

General methodology: dialectical and historical materialism. Specific methods: historical-logical (most characteristic); socio-political survey and analysis; comparison; interdisciplinary methods; summing up practice.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Nhóm sinh viên làm đề tài “Thanh niên nông thôn và làn sóng ra khu công nghiệp”: dùng thống kê dân số (liên ngành), phỏng vấn sâu 30 gia đình (khảo sát),

so sánh hai huyện có và không có khu công nghiệp (so sánh), đặt vào tiến trình công nghiệp hóa từ năm 1986 (lịch sử – logic), rồi kiến nghị chính sách nhà ở (tổng kết thực tiễn).

A student team studies “Rural youth and the move to industrial parks”: population statistics (interdisciplinary), in-depth interviews with 30 families (survey), comparing two districts with and without industrial parks (comparison), placing it in industrialisation since 1986 (historical-logical), then recommending housing policy (summing up practice).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Liệt kê phương pháp mà quên phương pháp luận chung, hoặc coi “lịch sử – logic” là kể lại sự kiện theo năm. Lịch sử – logic phải dẫn tới kết luận có tính quy luật.

Listing the methods but forgetting the general methodology, or treating “historical-logical” as retelling events by year. The method must lead to a law-like conclusion.

Ý nghĩa của việc nghiên cứu — *Why it is studied*

Mặt <i>Aspect</i>	Ý nghĩa <i>Significance</i>	Với sinh viên <i>For students</i>
Lý luận <i>Theoretical</i>	Trang bị nhận thức chính trị – xã hội và phương pháp luận về tính tất yếu của hình thái cộng sản chủ nghĩa; vũ khí lý luận của giai cấp công nhân và Đảng <i>Equips socio-political understanding and methodology on the necessity of the communist formation; the theoretical weapon of the working class and its party</i>	Hiểu vì sao Việt Nam chọn con đường xã hội chủ nghĩa <i>Understand why Vietnam chose the socialist path</i>
Lý luận <i>Theoretical</i>	Định hướng chính trị – xã hội cho hoạt động của Đảng, Nhà nước, nhân dân <i>Gives socio-political direction to the work of the Party, State and people</i>	Đọc đúng văn kiện, chính sách <i>Read Party documents and policies correctly</i>
Lý luận <i>Theoretical</i>	Cơ sở nhận diện, đấu tranh với quan điểm sai trái, xuyên tạc <i>A basis for spotting and countering false and distorted views</i>	Kiểm chứng thông tin trên mạng xã hội trước khi chia sẻ <i>Verify social-media claims before sharing</i>
Thực tiễn <i>Practical</i>	Lý giải đúng nguyên nhân khủng hoảng, sụp đổ ở Liên Xô, Đông Âu: do làm trái nguyên lý chứ không do bản thân chủ nghĩa xã hội <i>Explains the crisis and collapse in the USSR and Eastern Europe: caused by acting against the principles, not by socialism itself</i>	Không dao động trước luận điệu “chủ nghĩa xã hội đã cáo chung” <i>Stay firm against “socialism is dead” claims</i>
Thực tiễn <i>Practical</i>	Giáo dục niềm tin khoa học vào mục tiêu, con đường xã hội chủ nghĩa <i>Builds scientific conviction in the socialist goal and path</i>	Gắn học tập với trách nhiệm trong công nghiệp hóa, chuyển đổi số <i>Link study to one’s role in industrialisation and digital transformation</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — **Niềm tin khoa học** hình thành trên cơ sở nhận thức khoa học và hoạt động thực tiễn; là sự thống nhất giữa **nhận thức, tình cảm, ý chí**, trở thành động lực tinh thần để hành động tự giác, sáng tạo.

Scientific conviction grows from scientific understanding and practical activity; it unites understanding, feeling and will and becomes a spiritual driving force for conscious, creative action.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Trả lời câu ý nghĩa bằng khẩu hiệu chung chung (“nâng cao nhận thức”) mà không chia hai mặt lý luận – thực tiễn, không có liên hệ bản thân. Giám khảo chấm theo từng mặt và phần liên hệ.

Answering the significance question with vague slogans (“raise awareness”) without splitting theory and practice or relating it to oneself. Examiners mark each aspect and the personal link.

1.10. Bài tập vận dụng có lời giải — *Applied exercises with solutions*

Bài 1. Làng sinh thái “chia đều mọi thứ” — *Exercise 1. The “share everything” eco-village*

Năm người bạn vừa tốt nghiệp góp 2 tỷ đồng, thuê 5 ha đồi ở Lâm Đồng lập “làng sinh thái chia đều”: ai vào làng đều được ăn ở miễn phí, thu hoạch rau, cà phê chia đều theo đầu người, không thuê lao động, không vay ngân hàng. Họ đăng bài kêu gọi “người giàu có lương tâm” góp vốn để nhân rộng mô hình ra cả nước. Sau hai năm, số người vào làng tăng từ 5 lên 40, sản lượng không tăng tương ứng, tiền góp cạn, làng giải tán. Hãy so sánh mô hình này với thực nghiệm của Rôbôt Ôoen và rút ra bài học theo quan điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Five fresh graduates pooled 2 billion dong and leased 5 ha of hillside in Lâm Đồng to set up a “share everything eco-village”: anyone who joined lived for free, vegetables and coffee were split equally per head, no labour was hired and no bank loan taken. They posted appeals to “rich people with a conscience” to fund copies of the model nationwide. Within two years membership rose from 5 to 40, output did not keep pace, the money ran out and the village broke up. Compare this model with Robert Owen’s experiments and draw lessons from the standpoint of scientific socialism.

- 1. Nhận diện điểm giống Ôoen.** Cả hai dựng một cộng đồng mẫu tách khỏi xã hội xung quanh, trông vào vốn của người hảo tâm, tin rằng mô hình tốt sẽ tự lan ra. Ôoen bỏ gần hết tài sản cho công xã ở Mỹ và cũng thất bại.

Spot the likeness to Owen. Both built a model community cut off from the surrounding society, relied on benefactors’ money and believed a good model would spread by itself. Owen sank almost his whole fortune into a commune in America, which also failed.

- 2. Chỉ ra giá trị.** Mô hình phê phán lối sống chạy theo lợi nhuận, thử nghiệm phân phối công bằng, quan tâm môi trường. Đây là phần “hạt nhân hợp lý” giống giá trị của các nhà không tưởng.

Name the merits. The model criticised profit-chasing, tried out fair distribution and cared for the environment. This is the “rational kernel”, like the merits of the utopians.

- 3. Chỉ ra hạn chế không tưởng.** (1) Không xuất phát từ trình độ lực lượng sản xuất: 5 ha đồi không nuôi nổi 40 người khi năng suất thấp. (2) Phân phối chia đều theo đầu

người, tách khỏi đóng góp lao động. (3) Không có lực lượng xã hội nào đứng ra đấu tranh cải tạo cả xã hội; chỉ kêu gọi lòng tốt của người giàu.

Name the utopian flaws. (1) It ignored the level of productive forces: 5 ha of hillside cannot feed 40 people at low productivity. (2) Output was split per head, cut off from labour contribution. (3) No social force was organised to transform society as a whole; it only appealed to the goodwill of the rich.

- 4. Đối chiếu với chủ nghĩa xã hội khoa học.** Xã hội mới ra đời từ mâu thuẫn bên trong xã hội cũ, do giai cấp công nhân và nhân dân lao động thực hiện bằng đấu tranh có tổ chức, trên cơ sở lực lượng sản xuất phát triển cao; phân phối giai đoạn đầu theo lao động.

Set it against scientific socialism. A new society grows out of the contradictions of the old one, is brought about by the working class and working people through organised struggle, rests on highly developed productive forces, and in its first phase distributes according to labour.

- 5. Bài học vận dụng.** Muốn làm mô hình kinh tế tập thể bền vững (ví dụ hợp tác xã kiểu mới) phải tính năng suất, thị trường, góp vốn và phân phối theo đóng góp, chịu sự quản lý của pháp luật, không dựa vào lòng hảo tâm.

Practical lesson. A lasting collective model (e.g. a new-type cooperative) must reckon with productivity, markets, capital contributions and distribution by contribution, operate under the law, and not depend on charity.

Bài 2. Tranh luận “Liên Xô sụp đổ thì học chủ nghĩa xã hội khoa học làm gì” — *Exercise 2. The debate “The USSR collapsed, so why study scientific socialism?”*

Trên nhóm lớp, một sinh viên viết: “Liên Xô và Đông Âu sụp đổ từ hơn ba mươi năm trước, chứng tỏ chủ nghĩa xã hội khoa học là lý thuyết sai. Học môn này chỉ để lấy điểm.” Nhiều bạn thả biểu tượng đồng tình, không ai phản biện được. Dùng phương pháp kết hợp lịch sử – logic và kiến thức về các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học để trả lời bạn đó.

In the class group chat a student wrote: “The USSR and Eastern Europe collapsed more than thirty years ago, which proves scientific socialism is a false theory. We study it only for the grade.” Many classmates reacted in agreement and nobody could answer. Use the method of combining the historical and the logical and your knowledge of the stages of scientific socialism to reply.

- 1. Tách sự kiện khỏi logic.** Sự sụp đổ là sự kiện lịch sử có thật. Câu hỏi khoa học: nó bắt nguồn từ bản thân lý luận hay từ cách một số đảng hiểu và làm trái lý luận.

Separate the event from the logic. The collapse is a real historical event. The scientific question is whether it came from the theory itself or from how some parties misread and acted against it.

- 2. Chỉ ra nguyên nhân.** Mô hình kế hoạch hóa tập trung kéo dài khi điều kiện đã đổi; giáo điều, chủ quan duy ý chí, chậm cải tổ đúng hướng; chủ nghĩa cơ hội trong lãnh đạo; sự chống phá từ bên ngoài. Đó là sai lầm của một mô hình cụ thể.

Identify the causes. A centrally planned model kept long after conditions changed; dogmatism, voluntarism, failure to reform in the right direction; opportunism in the leadership; hostile pressure from outside. These are errors of one concrete model.

- 3. Dẫn chứng lịch sử ngược lại.** Mác và Ăngghen tự sửa dự báo khi thực tiễn đổi khác; Lênin chuyển sang Chính sách kinh tế mới khi thấy cách làm cũ không hợp. Lý luận này đòi hỏi tự điều chỉnh theo thực tiễn.

Cite counter-evidence from history. Marx and Engels revised their own forecasts when practice changed; Lenin switched to the New Economic Policy when the old approach failed. The theory itself demands self-correction in the light of practice.

- 4. Dẫn chứng hiện tại.** Việt Nam đổi mới từ 1986, giữ định hướng xã hội chủ nghĩa nhưng phát triển kinh tế thị trường, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng, nâng mức sống. Một mô hình sụp không có nghĩa mọi con đường xã hội chủ nghĩa đều thất bại.

Cite the present. Vietnam has renovated since 1986, keeping the socialist orientation while developing a market economy, leaving crisis behind and raising living standards. One model's collapse does not mean every socialist path fails.

- 5. Kết luận về ý nghĩa môn học.** Học chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu vì sao mô hình cũ đổ, tránh lặp lại sai lầm, có cơ sở phản bác lập luận một chiều trên mạng, chứ không học thuộc để lấy điểm.

Conclude on why the subject matters. Scientific socialism is studied to understand why the old model fell, to avoid repeating its errors and to have grounds for answering one-sided arguments online, not to memorise for a grade.

1.11. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — Essay questions and answer outlines

Câu 1. Vì sao chủ nghĩa xã hội không tưởng – phê phán là tiền đề lý luận trực tiếp của chủ nghĩa xã hội khoa học nhưng tự nó không thể trở thành khoa học? C. Mác và Ph. Ăngghen đã khắc phục hạn chế đó bằng những gì?

Question 1. Why was critical-utopian socialism the direct theoretical forerunner of scientific socialism yet unable to become a science by itself? How did Marx and Engels overcome its limits?

- **Nêu đại biểu:** Xanh Ximông, Phuriê, Ôoen; bối cảnh đầu thế kỷ XIX, giai cấp công nhân còn non yếu.
Name the thinkers: Saint-Simon, Fourier, Owen; the early-19th-century setting with a still-immature working class.
- **Giá trị:** phê phán xã hội tư bản; dự báo về tổ chức sản xuất, phân phối, vai trò khoa học – công nghiệp, giải phóng phụ nữ, xóa đói lập lao động trí óc – chân tay; góp phần thức tỉnh người lao động.
Merits: critique of capitalist society; forecasts on organising production and distribution, the role of science and industry, women's emancipation, ending the gap between mental and manual labour; helping awaken working people.
- **Hạn chế:** không thấy quy luật vận động của xã hội và của chủ nghĩa tư bản; không chỉ ra lực lượng thực hiện cải tạo xã hội; không có biện pháp hiện thực, trông vào lòng tốt và thực nghiệm khép kín.
Limits: no grasp of the laws of society or of capitalism; no social force identified to carry out the change; no realistic means, only goodwill and closed experiments.
- **Nguyên nhân hạn chế:** điều kiện lịch sử chưa chín (đại công nghiệp, đấu tranh công nhân chưa phát triển) và thế giới quan duy tâm về lịch sử.

Causes of the limits: immature historical conditions (large-scale industry and workers' struggle still undeveloped) and an idealist view of history.

- Cách khắc phục: chủ nghĩa duy vật lịch sử thay quan niệm duy tâm; học thuyết giá trị thặng dư vạch bí mật bóc lột; phát hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.
How they were overcome: historical materialism replaced the idealist view; the theory of surplus value exposed the secret of exploitation; the historical mission of the working class was discovered.
- Kết quả: Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (1848) — chủ nghĩa xã hội chuyển từ không tưởng thành khoa học; Mác và Ăngghen vẫn ghi nhận công lao các nhà không tưởng.
Result: the Communist Manifesto (1848) — socialism turned from utopia into science; Marx and Engels still acknowledged the utopians' merits.

Câu 2. Phân tích mối liên hệ logic giữa ba phát kiến vĩ đại của C. Mác và Ph. Ăngghen. Vì sao Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản được coi là văn kiện đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học?

Question 2. *Analyse the logical link between the three great discoveries of Marx and Engels. Why is the Communist Manifesto regarded as the document marking the birth of scientific socialism?*

- Điều kiện cần (kinh tế – xã hội, khoa học tự nhiên, tư tưởng lý luận) và điều kiện đủ (vai trò Mác – Ăngghen, chuyển lập trường triết học và chính trị giai đoạn 1843–1848).
Necessary conditions (socio-economic, natural-scientific, theoretical) and the sufficient one (the role of Marx and Engels, their shift of philosophical and political stand in 1843–1848).
- Phát kiến 1 — chủ nghĩa duy vật lịch sử: phương diện triết học, sự thay thế chủ nghĩa tư bản là tất yếu.
Discovery 1 — historical materialism: the philosophical side, capitalism's replacement is inevitable.
- Phát kiến 2 — học thuyết giá trị thặng dư: phương diện kinh tế, vạch nguồn gốc bóc lột, mâu thuẫn không tự giải quyết được.
Discovery 2 — theory of surplus value: the economic side, exposing the source of exploitation and a contradiction that cannot resolve itself.
- Phát kiến 3 — sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân: phương diện chính trị – xã hội, rút ra từ hai phát kiến đầu; trả lời câu hỏi ai thực hiện và bằng con đường nào.
Discovery 3 — the historical mission of the working class: the socio-political side, drawn from the first two; answers who carries out the change and by what path.
- Tuyên ngôn 1848: trình bày có hệ thống các luận điểm cơ bản; là cương lĩnh chính trị đầu tiên của phong trào cộng sản; đánh dấu sự hình thành về cơ bản ba bộ phận của chủ nghĩa Mác.
The 1848 Manifesto: sets out the basic theses systematically; the first political programme of the communist movement; marks the basic formation of the three components of Marxism.
- Ý nghĩa với người học: thiếu một phát kiến thì lập luận về chủ nghĩa xã hội mất chỗ dựa khoa học.

Meaning for learners: without any one discovery, the case for socialism loses its scientific footing.

Câu 3. Chủ nghĩa xã hội khoa học đã được bổ sung, phát triển qua những giai đoạn nào? Ở mỗi giai đoạn, hãy chỉ ra một luận điểm mới và thực tiễn đã làm nảy sinh luận điểm đó.

Question 3. Through which stages has scientific socialism been supplemented and developed? For each stage, name one new thesis and the practice that gave rise to it.

- 1848–1871: tổng kết cách mạng 1848 ở châu Âu → tư tưởng đập tan bộ máy nhà nước tư sản, chuyên chính vô sản, liên minh công – nông, cách mạng không ngừng.
1848–1871: lessons of the 1848 revolutions in Europe → smashing the bourgeois state machine, dictatorship of the proletariat, worker–peasant alliance, permanent revolution.
- 1871–1895: tổng kết Công xã Pari → Công xã là một hình thức nhà nước của giai cấp công nhân; Mác – Ăngghen tự điều chỉnh dự báo, chống giáo điều.
1871–1895: lessons of the Paris Commune → the Commune as a form of working-class state; Marx and Engels revised their forecasts and opposed dogma.
- Lênin trước 1917: phân tích chủ nghĩa đế quốc → quy luật phát triển không đều, cách mạng có thể thắng ở khâu yếu nhất; lý luận về đảng kiểu mới.
Lenin before 1917: analysis of imperialism → law of uneven development, revolution can win at the weakest link; theory of the new-type party.
- Lênin 1917–1924: thực tiễn chính quyền Xôviết → dân chủ vô sản, Chính sách kinh tế mới, chủ nghĩa tư bản nhà nước, hợp tác xã, kinh tế nhiều thành phần.
Lenin 1917–1924: practice of Soviet power → proletarian democracy, the New Economic Policy, state capitalism, cooperatives, a multi-sector economy.
- Sau 1924: hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành rồi khủng hoảng; sau 1991 cải cách ở Trung Quốc, đổi mới ở Việt Nam → kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
After 1924: the socialist system formed and then fell into crisis; after 1991 reform in China and renovation in Vietnam → a socialist-oriented market economy, national independence tied to socialism.
- Rút ra: lý luận phát triển bằng tổng kết thực tiễn; giáo điều là nguyên nhân thất bại.
Takeaway: the theory grows by summing up practice; dogmatism leads to failure.

Câu 4. Trình bày đối tượng và phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học. Chọn một vấn đề xã hội mà sinh viên quan tâm và cho biết anh/chị sẽ vận dụng những phương pháp đó như thế nào.

Question 4. Present the object and methods of scientific socialism. Choose a social issue students care about and explain how you would apply those methods.

- Phân biệt khách thể (lĩnh vực chính trị – xã hội) với đối tượng (quy luật, tính quy luật chính trị – xã hội của sự hình thành hình thái cộng sản chủ nghĩa; nguyên tắc, con đường, hình thức đấu tranh của giai cấp công nhân).
Distinguish the field (the socio-political sphere) from the object (socio-political laws and regularities of the rise of the communist formation; principles, paths and forms of working-class struggle).

- Vị trí: tiếp nối logic triết học và kinh tế chính trị Mác – Lênin; trả lời câu hỏi “bằng con đường nào”.
Place: the logical continuation of Marxist-Leninist philosophy and political economy; answers “by what path”.
- Phương pháp luận chung: chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.
General methodology: dialectical and historical materialism.
- Phương pháp đặc thù: lịch sử – logic; khảo sát, phân tích chính trị – xã hội; so sánh; liên ngành; tổng kết thực tiễn.
Specific methods: historical-logical; socio-political survey and analysis; comparison; interdisciplinary methods; summing up practice.
- Ví dụ vận dụng: nghiên cứu đời sống công nhân trẻ ở khu công nghiệp — khảo sát bảng hỏi (xã hội học), thống kê thu nhập (kinh tế), so sánh hai tỉnh, phân tích quan hệ lao động và chính sách công đoàn (chính trị – xã hội), đề xuất chính sách.
Example: studying young workers in an industrial park — questionnaires (sociology), income statistics (economics), comparing two provinces, analysing labour relations and trade-union policy (socio-political), proposing policies.
- Ý nghĩa: hiểu đúng con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, có bản lĩnh trước thông tin sai lệch.
Significance: a correct grasp of Vietnam’s path to socialism and the backbone to resist misinformation.

1.12. Câu hỏi trắc nghiệm — Multiple-choice questions

1. Theo nghĩa hẹp, chủ nghĩa xã hội khoa học là:

In the narrow sense, scientific socialism is:

- A. Toàn bộ chủ nghĩa Mác – Lênin / *The whole of Marxism-Leninism*
- B. Một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác – Lênin / *One of the three components of Marxism-Leninism*
- C. Mọi học thuyết đòi công bằng xã hội trong lịch sử / *Every doctrine in history demanding social justice*
- D. Học thuyết kinh tế về giá trị thặng dư / *The economic theory of surplus value*

2. Tiền đề khoa học tự nhiên của chủ nghĩa xã hội khoa học gồm ba phát minh nào?

Which three discoveries form the natural-science premise of scientific socialism?

- A. Thuyết tương đối, cơ học lượng tử, điện tử / *Relativity, quantum mechanics, the electron*
- B. Tia X, phóng xạ, điện tử / *X-rays, radioactivity, the electron*
- C. Học thuyết tế bào, định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng, học thuyết tiến hóa / *Cell theory, the law of conservation and transformation of energy, the theory of evolution*
- D. Định luật vạn vật hấp dẫn, thuyết nhật tâm, học thuyết tiến hóa / *Universal gravitation, heliocentrism, the theory of evolution*

3. Phong trào công nhân nào chuyển khẩu hiệu từ yêu sách kinh tế sang mục tiêu chính trị “Cộng hòa hay là chết”?

Which workers' movement moved from economic demands to the political slogan “Republic or death”?

- A. Công nhân dệt Liông (Pháp), năm 1834 / *The Lyon silk weavers (France), 1834*
- B. Phong trào Hiến chương (Anh) / *The Chartist movement (Britain)*
- C. Công nhân dệt Xilêdi (Đức), năm 1844 / *The Silesian weavers (Germany), 1844*
- D. Công xã Pari, năm 1871 / *The Paris Commune, 1871*

4. Hạn chế cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội không tưởng – phê phán là:

The most fundamental limit of critical-utopian socialism is that it:

- A. Không phê phán chủ nghĩa tư bản / *Did not criticise capitalism*
- B. Không đưa ra dự báo nào về xã hội tương lai / *Made no forecasts about the future society*
- C. Coi trọng quá mức vai trò của công nghiệp / *Overrated the role of industry*
- D. Không phát hiện được lực lượng xã hội thực hiện cuộc chuyển biến và quy luật của xã hội tư bản / *Failed to find the social force able to carry out the change and the laws of capitalist society*

5. Phát kiến nào của C. Mác và Ph. Ăngghen chứng minh, trên bình diện kinh tế, rằng chủ nghĩa tư bản tất yếu bị thay thế?

Which discovery of Marx and Engels shows, on the economic side, the inevitable end of capitalism?

- A. Chủ nghĩa duy vật lịch sử / *Historical materialism*
- B. Học thuyết về giá trị thặng dư / *The theory of surplus value*
- C. Học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân / *The theory of the working class's historical mission*
- D. Phép biện chứng duy tâm / *Idealist dialectics*

6. Tác phẩm đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học là:

The work that marks the birth of scientific socialism is:

- A. Tư bản, tập I (1867) / *Capital, Volume I (1867)*
- B. Chống Đuyrinh (1878) / *Anti-Dühring (1878)*
- C. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản (1848) / *The Communist Manifesto (1848)*
- D. Nhà nước và cách mạng (1917) / *The State and Revolution (1917)*

7. Luận điểm cách mạng vô sản có thể thắng lợi ở một nước, nơi là khâu yếu nhất của chủ nghĩa tư bản, là đóng góp của ai?

Who put forward the thesis that a proletarian revolution can win in one country, the weakest link of capitalism?

- A. C. Mác / *Marx*
- B. Ph. Ăngghen / *Engels*
- C. Xanh Ximông / *Saint-Simon*
- D. V.I. Lênin / *Lenin*

8. Phương pháp được coi là đặc trưng và quan trọng của chủ nghĩa xã hội khoa học, giúp rút ra quy luật từ tư liệu lịch sử thay vì chỉ liệt kê sự kiện, là:

The method seen as characteristic and important for scientific socialism, drawing laws from historical material instead of merely listing events, is:

- A. Phương pháp kết hợp lịch sử và logic / *Combining the historical and the logical*
- B. Phương pháp thực nghiệm trong phòng thí nghiệm / *Laboratory experiment*
- C. Phương pháp thống kê thuần túy / *Pure statistics*
- D. Phương pháp mô hình hóa toán học / *Mathematical modelling*

9. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học là:

The object of study of scientific socialism is:

- A. Những quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy / *The most general laws of nature, society and thought*
- B. Những quan hệ kinh tế trong sản xuất và trao đổi / *Economic relations in production and exchange*
- C. Những quy luật, tính quy luật chính trị – xã hội của quá trình hình thành hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa và con đường đấu tranh của giai cấp công nhân / *Socio-political laws and regularities of the rise of the communist socio-economic formation and the path of working-class struggle*
- D. Lịch sử các cuộc cách mạng trên thế giới / *The history of revolutions worldwide*